

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ TRUYỀN THÔNG ALPHA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ TRUYỀN THÔNG ALPHA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ALPHA TECHNOLOGY AND MEDIA JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: ALPHA MEDIA AND TECHNOLOGY

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109983950

**3. Ngày thành lập:** 04/05/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 12 Đường Nguyễn Văn Huyền, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0905.98.99.68

Fax:

Email: [info.alpha.media.jsc@gmail.com](mailto:info.alpha.media.jsc@gmail.com) Website: [m](http://m)

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                     | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                           | 4651     |
| 2.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                            | 4652     |
| 3.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(Trừ hợp báo)                                                                                                    | 8230     |
| 4.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                        | 8299     |
| 5.  | Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí<br>(Trừ Hoạt động của các nhà báo độc lập)                                                                         | 9000     |
| 6.  | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                         | 6201     |
| 7.  | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                           | 6202     |
| 8.  | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                               | 6209     |
| 9.  | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan<br>(Trừ hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê)                                                     | 6311     |
| 10. | Cổng thông tin<br>(trừ các loại thông tin Nhà nước và các hoạt động báo chí)                                                                                  | 6312     |
| 11. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>Các dịch vụ thông tin qua điện thoại (không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin nhà nước cấm) | 6399     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 12. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ                                                                                                                                                                      | 7212        |
| 13. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                      | 7310(Chính) |
| 14. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                       | 7320        |
| 15. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: - Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giấy, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác;<br>- Hoạt động trang trí nội thất. | 7410        |
| 16. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Môi giới chuyển giao công nghệ;<br>- Tư vấn chuyển giao công nghệ;<br>- Đánh giá công nghệ;<br>- Giám định công nghệ;<br>- Xúc tiến chuyển giao công nghệ.           | 7490        |
| 17. | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                          | 1811        |
| 18. | Dịch vụ liên quan đến in (trừ rên rập khuôn tem)                                                                                                                                                                                                               | 1812        |
| 19. | Sao chép bản ghi các loại                                                                                                                                                                                                                                      | 1820        |
| 20. | Sản xuất thiết bị truyền thông                                                                                                                                                                                                                                 | 2630        |
| 21. | Xuất bản phần mềm (Trừ xuất bản phẩm)                                                                                                                                                                                                                          | 5820        |
| 22. | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>Chi tiết: - Kinh doanh sản xuất phim<br>- Sản xuất video;<br>(trừ sản xuất phim, video bị Nhà nước cấm)                                                                            | 5911        |
| 23. | Hoạt động hậu kỳ                                                                                                                                                                                                                                               | 5912        |
| 24. | Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>Chi tiết:<br>Phát hành phim<br>Phát hành video<br>(trừ phát hành phim, video bị Nhà nước cấm)                                                                                     | 5913        |
| 25. | Hoạt động chiếu phim                                                                                                                                                                                                                                           | 5914        |
| 26. | Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc (Trừ xuất bản phẩm)                                                                                                                                                                                                       | 5920        |
| 27. | Chương trình cáp, vệ tinh và các chương trình thuê bao khác                                                                                                                                                                                                    | 6022        |
| 28. | Hoạt động viễn thông khác                                                                                                                                                                                                                                      | 6190        |

|     |                                                                                |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------|------|
| 29. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển | 7730 |
| 30. | Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính                                         | 7740 |
| 31. | Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp                                                        | 8110 |
| 32. | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp                                          | 8211 |
| 33. | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác       | 8219 |
| 34. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                     | 3312 |
| 35. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                         | 3313 |
| 36. | Sửa chữa thiết bị khác                                                         | 3319 |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 300.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông   | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức       | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|---------------|------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | LÊ HỒNG THANH | Tổ dân phố số 5, Phường Phú Đô, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 102.000    | 1.020.000.000         | 34,000    | 002078003886                                                                                |         |
|     |               |                                                                              | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                              | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                              | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                              | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                              | Tổng số                   | 102.000    | 1.020.000.000         | 34,000    |                                                                                             |         |

|   |                |                                                                                             |                           |        |             |        |              |
|---|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|--------------|
| 2 | PHẠM XUÂN HÙNG | Phòng 3002, tòa nhà N01-T8, Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam   | Cổ phần phổ thông         | 99.000 | 990.000.000 | 33,000 | 038079013379 |
|   |                |                                                                                             | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                             | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                             | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                             | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                             | Tổng số                   | 99.000 | 990.000.000 | 33,000 |              |
|   |                |                                                                                             |                           |        |             |        |              |
| 3 | LÊ KHẮC THẢO   | Phòng 418 Nơ 1B, BD Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 99.000 | 990.000.000 | 33,000 | 038078000186 |
|   |                |                                                                                             | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                             | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                             | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                             | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                             | Tổng số                   | 99.000 | 990.000.000 | 33,000 |              |
|   |                |                                                                                             |                           |        |             |        |              |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LÊ HỒNG THANH

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *G*

Sinh ngày: *29/09/1978*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *N*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *002078003886*

Ngày cấp: *01/11/2021*

Nơi cấp: *C C*

Địa chỉ thường trú:

*5, P P , N L ,*

*H N , N*

Địa chỉ liên lạc:

*5, P P , N L , H*

*N , N*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội